TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 15** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** Bản án số: 37/2026/HNGĐ-ST Ngày 31-3-2026 V/v: Ly hôn	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 15 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh;

Bà Nguyễn Thị Bích Hằng.

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Thùy Trang - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa****:* Bà Lê Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 539/2025/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2025 về việc "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị P, sinh năm 1977; địa chỉ thường trú: Số B, đường C, khu phố H, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh; tạm trú: Ấp A, xã Đ, tỉnh Đồng Nai. Căn cước công dân: 070177006843, cấp ngày 11/6/2023, vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Ông Hồ Hoàng T, sinh năm 1973; địa chỉ: Số B, đường C, khu phố H, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cước công dân: 074073000413, cấp ngày 13/4/2021, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 14/11/2025 và quá trình giải quyết, bà Trần Thị P là nguyên đơn trình bày:

Bà Trần Thị P và ông Hồ Hoàng T kết hôn năm 2007, có đăng ký kết hôn tại UBND phường H, thị xã T, tỉnh Bình Dương (nay là phường P, Thành phố Hồ Chí Minh). Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Quá trình chung sống, bà P và

ông T thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, không còn tôn trọng và cảm thông cho nhau. Bà P và ông T đã nhiều lần cố gắng hòa giải nhưng không có kết quả. Bà P và ông T đã sống ly thân từ năm 2013 đến nay. Bà P xác định không còn tình cảm với ông T và vợ chồng không hàn gắn được nên yêu cầu Toà án giải quyết ly hôn với ông T.

Bà Trần Thị P và ông Hồ Hoàng T có 01 con chung tên Hồ Hoàng Thanh B, sinh ngày 13/5/2007. Con chung đã đủ 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện việc tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng gồm Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho bị đơn ông Hồ Hoàng T. Tuy nhiên, ông T không đến Tòa án tham gia tố tụng, không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không có đơn yêu cầu phản tố và không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Nguyên đơn bà Trần Thị P vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị đơn ông Hồ Hoàng T đã được tống đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử và triệu tập hợp lệ tham gia phiên toà lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định. Tính đến ngày Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử, vụ án còn trong thời hạn chuẩn bị xét xử theo Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ về quyền, nghĩa vụ theo quy định pháp luật và có đơn xin giải quyết vắng mặt. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở để Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục hay bổ sung gì khác.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị P đối với ông Hồ Hoàng T về việc ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngày 23/01/2026, bà Trần Thị P là nguyên đơn trong vụ án có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bị đơn ông Hồ Hoàng T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng ông T vắng mặt không có lý do. Căn cứ quy định tại các điều 227, 228 và 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị P và ông Hồ Hoàng T tự nguyện kết hôn năm 2007, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, thị xã T, tỉnh Bình Dương (nay là phường P, Thành phố Hồ Chí Minh), theo Giấy chứng nhận kết hôn số 113/2007 ngày 06/10/2007 của Ủy ban nhân dân phường H, thị xã T, tỉnh Bình Dương (nay là phường P, Thành phố Hồ Chí Minh) nên đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ theo quy định tại Điều 9 và Điều 11 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000.

Nguyên đơn bà Trần Thị P xác định cuộc sống hôn nhân giữa bà P và ông T không hạnh phúc, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và đã ly thân từ năm 2013 đến nay không thể hàn gắn, bà P xác định không còn tình cảm và vẫn giữ yêu cầu được ly hôn với ông T. Bị đơn ông Hồ Hoàng T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng nhưng vắng mặt không có lý do, thể hiện ông T không có thiện chí trong việc hàn gắn và bảo vệ hạnh phúc gia đình.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa bà P và ông T đã đến mức trầm trọng, không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của bà Trần Thị P đối với ông Hồ Hoàng T là có cơ sở để chấp nhận, phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014.

[3] Về con chung: Bà Trần Thị P và ông Hồ Hoàng T có 01 con chung tên Hồ Hoàng Thanh B, sinh ngày 13/5/2007. Con chung đã trên 18 tuổi, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án là có cơ sở.

[6] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn phải nộp theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 147, 179, 227, 228, 235, 238, 266 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Toà án năm 2025;

Căn cứ khoản 1 Điều 56, các điều 57, 58 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị P đối với bị đơn ông Hồ Hoàng T về việc "Ly hôn".

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị P được ly hôn với ông Hồ Hoàng T.

- Về con chung: Cháu Hồ Hoàng Thanh B, sinh ngày 13/5/2007 đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

2. Về án phí sơ thẩm: Bà Trần Thị P phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0038559 ngày 14/11/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa nên được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 15 – TP. Hồ Chí Minh;
- Thi hành án dân sự TP. Hồ Chí Minh;
- UBND P. Phú Lợi;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thị Nga

TAND KHU VỰC 15
XMA310326.TL.QDBA
876